



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP DVXB GIÁO DỤC GIA ĐỊNH**

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU





TIẾNG VIỆT 1

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên), **NGUYỄN THỊ LY KHA** (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO, PHẠM VĨNH LỘC, NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ,
PHẠM THỊ KIM OANH, VŨ MINH TÂM, NGUYỄN XUÂN TÙNG, NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN



NỘI DUNG TẬP HUẤN



Một số vấn đề chung



Tổ chức dạy học các kiểu bài



Trao đổi, giải đáp



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG



Quan điểm biên soạn và những điểm mới



Cấu trúc sách và cấu trúc bài học



Thiết bị dạy học



QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH **TIẾNG VIỆT 1**, BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO



QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP

- Tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho học sinh
- Tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp
- Tổ chức bài học thành chuỗi hệ thống hoạt động khép kín
- Dạy học kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực
- Công nhận, khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của học sinh
- Ưu tiên dạy ý nghĩa ngôn từ hơn dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ

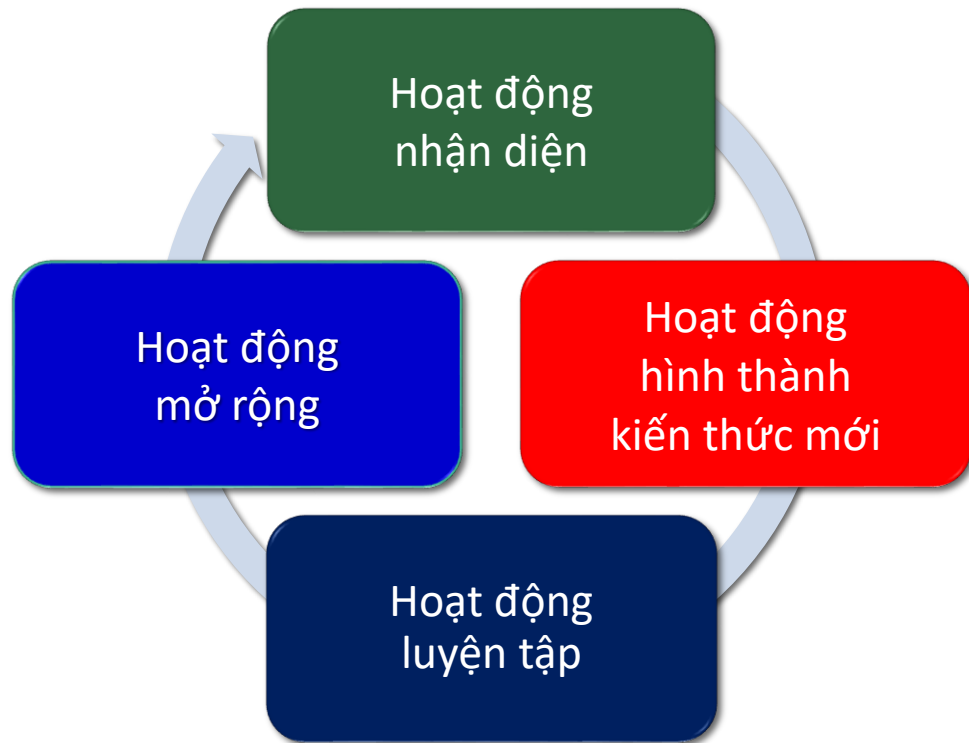
QUAN ĐIỂM TÍCH HỢP

- Tích hợp dạy học 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe
- Tích hợp dạy ngôn ngữ và văn chương
- Tích hợp dạy các giá trị văn hóa, giáo dục, phát triển nhân cách
- Tích hợp phát triển ngôn ngữ và phát triển tư duy
- Tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và các hoạt động giáo dục khác.

⇒ Giúp SGK TV1 đáp ứng các tiêu chí phát triển phẩm chất - năng lực theo yêu cầu mới đồng thời **DỄ HỌC - DỄ DẠY - DỄ SỬ DỤNG.**

CÁC BÀI HỌC ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO **CHUỖI HOẠT ĐỘNG KHÉP KÍN**

nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh





**NỘI DUNG DẠY HỌC
MANG TÍNH TÍCH HỢP CAO**

QUAN TÂM ĐẾN GIÁO DỤC NGÔN NGỮ THỨ HAI CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

QUAN TÂM
ĐẾN GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT
BÊN CẠNH GIÁO DỤC ĐẠI TRÀ

TRAO QUYỀN CHỦ ĐỘNG CHO GV – HS
KẾT NỐI GV – HS - PH



CẤU TRÚC SÁCH TIẾNG VIỆT 1

TẬP MỘT

- ✓ 6 tuần học âm chữ
- ✓ 11 tuần học vần
- ✓ 1 tuần ôn tập và kiểm tra.



TẬP HAI

- ✓ 2 tuần học vần
- ✓ 14 tuần luyện tập tổng hợp
- ✓ 1 tuần ôn tập và kiểm tra.





CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC



Phần 1: Học âm chữ



Phần 2: Học vần



Phần 3: Luyện tập tổng hợp



HỌC ÂM CHỮ

HỌC VẦN

Những bài học đầu tiên

Bé và bà

Đi chợ

Kì nghỉ

Ở nhà

Đi sở thú

Thể thao

Đồ chơi - trò chơi

Vui học

Ngày chủ nhật

Bạn bè

Trung thu

Thăm quê

Lớp em

Sinh nhật

Ước mơ

Vườn ươm

Tên chủ
đề, tên bài
luôn chứa
âm vần
được học

NHỮNG ĐIỀU EM ĐÃ HỌC

HỌC VẦN

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Ngân hoa khoe sắc

Ngày tuyết rơi

Những bông hoa nhỏ

Mưa và nắng

Tết quê em

Những người bạn đầu tiên

Mẹ và cô

Những người bạn im lặng

Bạn cùng học cùng chơi

Trong chiếc cặp của em

Đường đến trường

Làng quê yên bình

Phố xá nhộn nhịp

Biển đảo yêu thương

Chúng mình thật đặc biệt

Gửi lời chào lớp Một

NHỮNG ĐIỀU EM ĐÃ HỌC



Em là học sinh lớp Một	Trang 6		Trang		Trang
Chủ đề 1: Những bài học đầu tiên	10	Chủ đề 6: Đi sở thú	60	Chủ đề 11: Bạn bè	110
Bài 1: A a	10	Bài 1: P p ph	60	Bài 1: an ăn ăn	110
Bài 2: B b	12	Bài 2: S s X x	62	Bài 2: en ên in	112
Bài 3: C c	14	Bài 3: Q q qu Y y	64	Bài 3: on ôn	114
Bài 4: O o	16	Bài 4: gi	66	Bài 4: ơn un	116
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	18	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	68	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	118
Chủ đề 2: Bé và bà	20	Chủ đề 7: Thể thao	70	Chủ đề 12: Trung thu	120
Bài 1: O o	20	Bài 1: ao eo	70	Bài 1: ang ăng ăng	120
Bài 2: Ô ô	22	Bài 2: au ầu	72	Bài 2: ong ồng	122
Bài 3: V v	24	Bài 3: ă ău	74	Bài 3: ung ụng	124
Bài 4: E e Ê ê	26	Bài 4: iu ầu	76	Bài 4: ach ếch ich	126
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	28	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	78	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	128
Chủ đề 3: Đi chợ	30	Chủ đề 8: Đồ chơi – trò chơi	80	Chủ đề 13: Thăm quê	130
Bài 1: D d Đ đ	30	Bài 1: ai oi	80	Bài 1: am ăm ăm	130
Bài 2: I i K k	32	Bài 2: ới ới	82	Bài 2: em êm	132
Bài 3: L l H h	34	Bài 3: ui ưi	84	Bài 3: om ồm ồm	134
Bài 4: ch kh	36	Bài 4: ay ăy	86	Bài 4: im um	136
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	38	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	88	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	138
Chủ đề 4: Kì nghỉ	40	Chủ đề 9: Vui học	90	Chủ đề 14: Lớp em	140
Bài 1: N n M m	40	Bài 1: ac ắc	90	Bài 1: ap ắp ắp	140
Bài 2: U u Ư ư	42	Bài 2: ă ắc	92	Bài 2: ep ếp	142
Bài 3: G g gh	44	Bài 3: oc ốc	94	Bài 3: op ớp ớp	144
Bài 4: ng ngh	46	Bài 4: uc ưc	96	Bài 4: ip up	146
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	48	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	98	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	148
Chủ đề 5: Ở nhà	50	Chủ đề 10: Ngày chủ nhật	100	Chủ đề 15: Sinh nhật	150
Bài 1: T t th nh	50	Bài 1: at ăt ăt	100	Bài 1: anh ềnh ềnh	150
Bài 2: R r tr	52	Bài 2: et ết ết	102	Bài 2: ươu	152
Bài 3: ia	54	Bài 3: ot ốt ốt	104	Bài 3: iêu yêu	154
Bài 4: ưa ưa	56	Bài 4: ut ưt	106	Bài 4: uối uối	156
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	58	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	108	Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	158
				Chủ đề 16: Ước mơ	160
				Bài 1: iếc ước ước	160
				Bài 2: iết yết uớt uớt	162
				Bài 3: iền yên	164
				Bài 4: uốn ươn	166
				Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	168
				Chủ đề 17: Vườn ươm	170
				Bài 1: iêng yêng	170
				Bài 2: uống ương	172
				Bài 3: iêm yêm uôm ươm	174
				Bài 4: iếp ương	176
				Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	178
				Chủ đề 18: Những điều em đã học	180
				Bài 1: Ôn tập 1	180
				Bài 2: Ôn tập 2	182
				Bài 3: Đánh giá cuối học kì I (Để tham khảo)	184

	Trang		Trang		Trang		Trang
Chủ đề 19: Ngàn hoa khoe sắc	6	Chủ đề 24: Những người bạn đầu tiên	53	Chủ đề 29: Đường đến trường	98	Chủ đề 33: Chứng minh thật đặc biệt	134
Bài 1: oa oe	6	Bài 1: Gia đình thân thương	53	Bài 1: Chuyện xảy ra trên đường	98	Bài 1: Chuyện của Nam	134
Bài 2: uê uy	8	Bài 2: Làm bạn với bố	55	Bài 2: Đi học	101	Bài 2: Mọi người đều khác biệt	137
Bài 3: oai oay oac	10	Bài 3: Những trò chơi cùng ông bà	58	Bài 3: Biển báo	103	Bài 3: Ước mơ nào cũng quý	140
Bài 4: oat oan oang	12	Bài 4: Vinh và chiếc gối mèo	61	Bài 4: Chuyện hai chú thỏ	106	Bài 4: Xe cứu hoả Tí Hon	142
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	14						
Chủ đề 20: Ngày tuyết rơi	16	Chủ đề 25: Mẹ và cô	62	Chủ đề 30: Làng quê yên bình	107	Chủ đề 34: Gửi lời chào lớp Một	143
Bài 1: uân uyên uyt	16	Bài 1: Mẹ của thỏ bông	62	Bài 1: Làng em buổi sáng	107	Bài 1: Buổi học cuối năm	143
Bài 2: oắt uất uyết	18	Bài 2: Nói với em	65	Bài 2: Ban mai trên bản	109	Bài 2: Gửi lời chào lớp Một	146
Bài 3: oanh uynh uych	20	Bài 3: Mẹ và cô	68	Bài 3: Làng xóm Bát Tràng	112	Bài 3: kỉ nghỉ hè của em	148
Bài 4: oàng oam oap	22	Bài 4: Cô giáo như mẹ hiền	70	Bài 4: Mong ước của ngựa con	115	Bài 4: Những phần thưởng đặc biệt	151
Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	24						
Chủ đề 21: Những bông hoa nhỏ	26	Chủ đề 26: Những người bạn im lặng	71	Chủ đề 31: Phố xá nhộn nhịp	116	Chủ đề 35: Những điều em đã học	152
Bài 1: Bông hoa niềm vui	26	Bài 1: Cô chổi rơm	71	Bài 1: Dạo phố	116	Bài 1: Ôn tập 1	152
Bài 2: Những bông hoa nhỏ trên sân	29	Bài 2: Ngưỡng cửa	74	Bài 2: Bưu điện	118	Bài 2: Ôn tập 2	154
Bài 3: Như bông hoa nhỏ	32	Bài 3: Mũ bảo hiểm	76	Thành phố Hồ Chí Minh	121	Bài 3: Ôn tập 3	156
Bài 4: Câu chuyện về chú trống choai	34	Bài 4: Chuyện ghế và bàn	79	Bài 3: Hồ Gươm	124	Bài 4: Đánh giá cuối học kì II (Để tham khảo)	158
				Bài 4: Xe lu và xe ca			
Chủ đề 22: Mưa và nắng	35	Chủ đề 27: Bạn cùng học cùng chơi	80	Chủ đề 32: Biển đảo yêu thương	125	Một số thuật ngữ dùng trong sách	162
Bài 1: Mưa	35	Bài 1: Mít học vẽ tranh	80	Bài 1: Khu rừng kì lạ dưới đáy biển	125		
Bài 2: Mặt trời và hạt đậu	37	Bài 2: Vui học ở Thảo cầm viên	83	Bài 2: Thư gửi bố ngoài đảo	128		
Bài 3: Cầu vồng	40	Bài 3: Cùng vui chơi	86	Bài 3: Nữ hoàng của đảo	130		
Bài 4: Thần mưa và thần nắng	43	Bài 4: Đôi bạn và hai chú chim non	88	Bài 4: Tôm càng và cá con	133		
Chủ đề 23: Tết quê em	44	Chủ đề 28: Trong chiếc cặp của em	89				
Bài 1: Chào xuân	44	Bài 1: Câu chuyện về giấy kẻ	89				
Bài 2: Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội	46	Bài 2: Trong chiếc cặp của em	92				
Bài 3: Mâm cơm ngày Tết ở Huế	49	Bài 3: Những điều cần biết về bút chì	94				
Bài 4: Đêm giao thừa ý nghĩa	52	Bài 4: Ai quan trọng nhất?	97				

THỜI LƯỢNG: 12 tiết/tuần, gồm:

- Bài học âm chữ mới: 4 bài, mỗi bài 2 tiết;
- Bài thực hành: 1 tiết;
- Bài ôn tập: 2 tiết;
- Bài kể chuyện: 1 tiết.

VỊ TRÍ: 6 tuần đầu tiên

NỘI DUNG DẠY HỌC: Dạy âm chữ mới

MỤC ĐÍCH: Cung cấp kiến thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho HS qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

PHẦN 1: HỌC ÂM CHỮ



CẤU TRÚC
MỘT CHỦ ĐỀ / TUẦN
PHẦN HỌC ÂM CHỮ

Hình ảnh, từ khoá,
từ mở rộng,
bài đọc, truyện kể
đều xoay quanh chủ đề

THỜI LƯỢNG: 12 tiết/tuần, gồm:

- Bài học văn mới: 4 bài, mỗi bài 2 tiết;
- Bài thực hành: 1 tiết;
- Bài ôn tập: 2 tiết;
- Bài kể chuyện: 1 tiết.

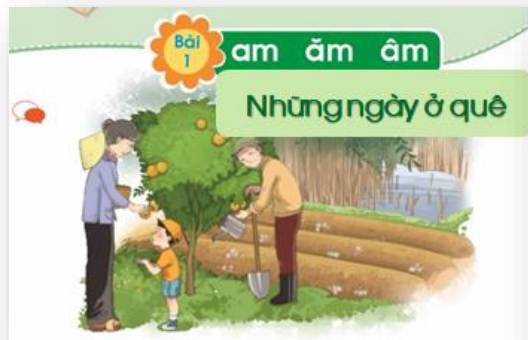
VỊ TRÍ:

- 11 tuần ở HK1 (từ tuần 7 đến 17)
- 02 tuần ở HK2 (tuần 19, 20)

NỘI DUNG DẠY HỌC: Dạy văn mới

MỤC ĐÍCH: Cung cấp kiến thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho HS qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

PHẦN 2: HỌC VĂN



**CẤU TRÚC
MỘT CHỦ ĐỀ / TUẦN
PHẦN HỌC VẦN**



**Hình ảnh, từ khoá,
từ mở rộng,
bài đọc, truyện kể
đều xoay quanh chủ đề**

20

NGÀY TUYỆT VỜI

Bài 1

uân uyên uyêt



uân uyên uyêt

I uân
luân

cờ luân lưu



bóng chuyền



huyết côi



uân: cờ luân lưu

uyên: bóng chuyền uyêt: huyết côi



tuần tra



thuyền buồm



xe buýt

uân
uyên
uyêt

Ngày đầu tiên đi học

Chuẩn bị cho Huân đi học, mẹ nói:
- Tuần đầu, con sẽ làm quen với bạn, thầy cô....

Tưởng gì, toàn chuyện dễ - Huân nghĩ rồi háo hức ngồi lên xe.

Nhưng khi gần tới lớp, Huân bỗng lo lắng. Thấy vậy, mẹ khuyên:

- Đừng lo. Con sẽ quen mà.
- Cô giáo đến bên Huân và bảo:
- Con chào mẹ đi, rồi ra cùng vào lớp.



1. Mẹ nói tuần đầu Huân sẽ làm quen với ai và việc gì?
2. Ai đưa Huân vào lớp?



Tìm trong các từ ngữ sau tiếng chứa vần **uyêt**.
suyt ngà, suyt xoa, tiếng suyt suyt

17

oắt uât uyêt

Bài 2



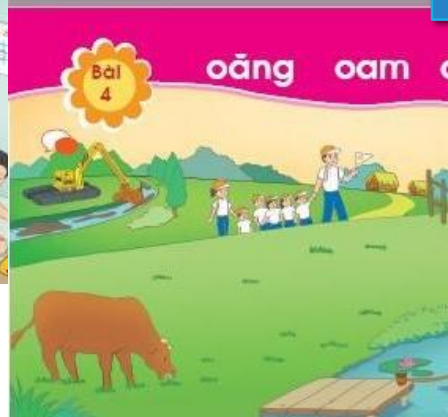
Bài 3

oanh uynh uyeh



Bài 4

oăng oam oap



CẤU TRÚC

MỘT CHỦ ĐỀ / TUẦN

PHẦN HỌC VẦN

Bài 5

Ôn tập và kể chuyện



uân

uyêt

oắt

uynh

uyên

uyêt

oăng

uât

oanh

oam

oap

uyeh

Đêm hội chào xuân

Rừng xanh mở hội
Chào đón mùa xuân
Hoàng, nai nhảy múa
Riêu riêu oanh ngàn.

Hương rừng ngan ngát
Lan tỏa ngọt ngào
Lung linh trắng sáng
Lấp lánh ngàn sao.

Thuyền theo con sóng
Oam oap vui cười
Ri rào gió hát
Mừng hội tuyệt vời.

Hồng Minh



1. Kể tên các con vật theo thứ tự được nhắc đến trong bài thơ.
2. Em thích con vật, cảnh vật nào nhất? Vì sao?



24

THỜI LƯỢNG: 12 tiết/tuần, gồm:

- Bài học: 2 bài, mỗi bài 4 tiết (VB truyện, miêu tả hoặc VB thông tin) + 1 bài 2 tiết (VB thơ);
- Bài thực hành: 1 tiết;
- Bài kể chuyện: 1 tiết.

VỊ TRÍ: 14 tuần ở HK2 (từ tuần 21 đến tuần 34)

NỘI DUNG DẠY HỌC: Luyện tập tổng hợp

MỤC ĐÍCH: Cung cấp kiến thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho HS qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

PHẦN 3: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP



1. Bức tranh dưới đây miêu tả cảnh vật ở làng quê hay phố phường?



2. Em nghe được những âm thanh gì vào buổi sáng sớm?



Làng em buổi sáng

Tiếng chim hót
Ổ trong vườn
Vườn xôn xao
Cánh lá vẫy
Hoa quả dậy
Cùng toả hương.

Tiếng chim hót
Ổ bờ ao
Lâm cho ao
Rung rinh nước
Gọi cá thức
Mà tung tăng.

Tiếng chim hót
Ổ ngoài sân
Rủ về sân
Chăn hoà nắng.

Tiếng chim hót
Khắp mọi nơi
Khiến đất trời
Thêm bừng sáng.

Nguyễn Đức Hậu



1. Bức ảnh dưới đây cho thấy người thợ đang làm gì?



2. Kể tên một vài món đồ gốm mà em biết.



Làng gốm Bát Tràng

Làng gốm Bát Tràng nằm ở ngoại ô

Làng đã có hơn sáu trăm năm tuổi. Ở các món đồ gốm dùng trong gia đình, chén... Làng còn làm các loại đồ gốm tranh sứ, tượng sứ... Những con lợn đất tiết kiệm cũng được ra đời từ đây.

Làng gốm Bát Tràng là nơi lưu giữ Việt Nam.



1. Nghe kể chuyện.

2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.



Một hôm, ngựa con...



Hôm sau, ngựa cha dắt ngựa con...



Đến khuya, hai cha con...



Trời sáng...



3. Kể toàn bộ câu chuyện.

CẤU TRÚC

MỘT CHỦ ĐỀ / TUẦN

PHẦN HỌC LTTH



Quan sát bức tranh dưới đây và nói về cảnh vật trong tranh.



Ban mai trên bản



Rừng núi vẫn đang trong màn đêm yên tĩnh. Mọi người còn ngủ ngon trong những chiếc chăn ấm. Bỗng một con gà trống cất tiếng gáy ò ỏ o. Rồi khắp bản, những tiếng gà gáy nối nhau vang xa. Lũ gà rừng cũng thức dậy gáy te te.

Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp nhà sàn. Trời sáng dần. Ngoài đường đã có bước chân người đi lại. Tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới. Mẹ bảo tôi ăn sáng, chuẩn bị đến trường.

Tôi yêu những buổi ban mai quê mình.

Theo Hoàng Hữu Bội



THIẾT BỊ DẠY HỌC



Thiết bị dạy học tối thiểu (TT05/2019)



Thiết bị dạy học kèm theo của bộ sách



Thiết bị dạy học nhà trường



TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC KIỂU BÀI



Thảo luận nhóm



Trình bày kết quả thảo luận



Trao đổi, giải đáp thắc mắc



THẢO LUẬN NHÓM

Nghiên cứu
từng kiểu
bài học có
trong SGK
Tiếng Việt 1:

- Vị trí
- Thời lượng
- Mục tiêu
- Các hoạt động dạy học chủ yếu, mỗi hoạt động làm rõ:
 - + *Mục tiêu*
 - + *Thời lượng*
 - + *Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động*
 - + *Thiết bị dạy học*
 - + *Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá*



THẢO LUẬN NHÓM

Minh họa phần trình bày qua bài học cụ thể:

- **Dạy âm chữ** (*bài 3 - chủ đề 1*)
- **Dạy vần** (*bài 4 - chủ đề 15*)
- **Ôn tập** (*bài 5 - chủ đề 12*)
- **Thực hành** (*bài 3 - chủ đề 1*) + **Kể chuyện** (*chủ đề 8 - kiểu bài nghe kể và chủ đề 13 - kiểu bài xem kể*)
- **Luyện tập tổng hợp** (*kiểu bài 2 tiết*) (*bài 2 - chủ đề 29*)
- **Luyện tập tổng hợp** (*kiểu bài 4 tiết*) (*bài 3 - chủ đề 32*)



**TRÌNH BÀY KẾT QUẢ
THẢO LUẬN NHÓM**

KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

- Vị trí: 4 bài đầu tuần (6 tuần đầu)
- Thời lượng: 02 tiết/bài

KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

Cấu trúc bài học trên SGK

- Tranh khởi động
- Các âm chữ được học và mô hình đánh vần tiếng
- Các từ ngữ chứa tiếng khoá kèm hình ảnh minh họa
- Mẫu chữ các âm và chữ có âm mới dùng cho tập viết
- Các từ ngữ ứng dụng (mở rộng) kèm theo hình ảnh minh họa
- Câu, đoạn, bài đọc ứng dụng
- Hoạt động mở rộng.

Nhận diện



Nói và nghe



Đọc



Tìm hiểu bài

M:

Mẫu



Viết



Hoạt động mở rộng

Hình thành kiến thức mới

CẤU TRÚC MỘT BÀI HỌC ÂM CHỮ MỚI

1 NHỮNG BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

Bài 1 **A a**

a

10



Luyện tập



Mở rộng

11

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

Mục tiêu

Giúp học sinh:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
 - Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên/tranh chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khóa sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề.
 - Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa vần được học.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

Mục tiêu

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ được học; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn và ghép tiếng đơn giản chứa âm chữ được học.
3. Viết đúng âm và tiếng có âm chữ được học. Viết đúng cách viết nổi nét thuận lợi và nổi nét không thuận lợi.
4. Đánh vần, đọc các từ mở rộng có âm chữ được học, hiểu nghĩa của các từ ngữ đó; đọc câu, đoạn ứng dụng và hiểu được nghĩa của câu, đoạn ứng dụng.
5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

Mục tiêu

6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC ÂM CHỮ

Phương tiện dạy học

- SGK, VTV, VBT, SGV
- Thẻ từ (in thường, in hoa, viết thường)
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có)
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc
- Tranh chủ đề (nếu có)
- Video clip về các nội dung liên quan với bài học (nếu có)

CẤU TRÚC BÀI HỌC ÂM CHỮ

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

Khởi động

Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa

Tập viết

Luyện tập đánh vần, đọc trơn

Hoạt động mở rộng

Củng cố, dặn dò

HĐ1: ỔN ĐỊNH LỚP VÀ KIỂM TRA BÀI CŨ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí
- HS đọc, viết, đặt câu (nói) có một số từ ngữ có chứa tiếng chứa âm chữ được học ở bài trước

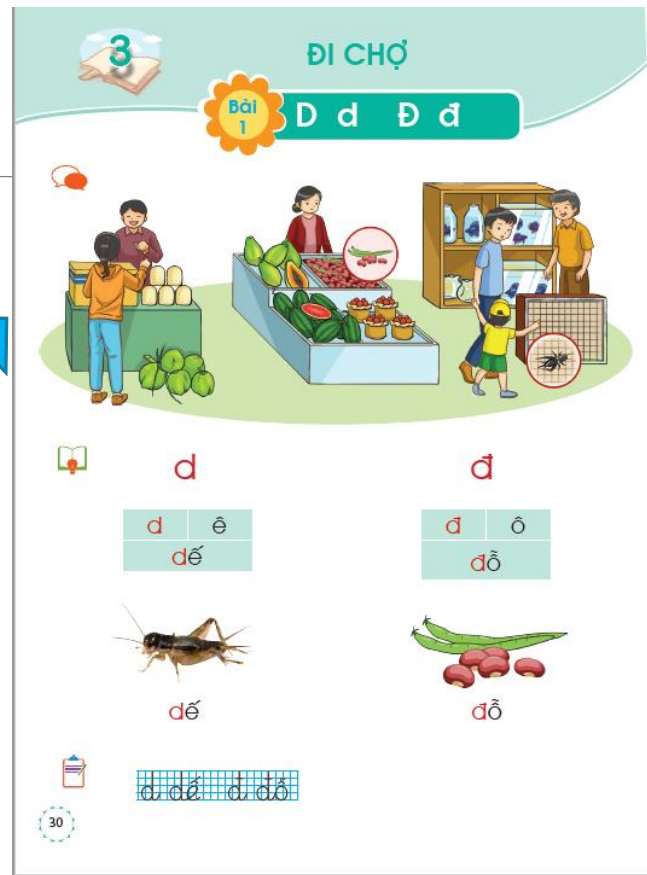
HĐ2: KHỞI ĐỘNG

- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề
- HS nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong bài mà tên chủ đề hoặc tranh chủ đề gợi ra
- HS quan sát tranh, trao đổi, nói ra những từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được

HĐ2: KHỞI ĐỘNG

VD: Bài D d – Đ đ, chủ đề 3 Đi chợ,
SGK tập 1 trang 30

- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề
- HS quan sát tranh khởi động và trả lời câu hỏi “Cô chú đang mua bán những gì?” (dừa, dưa, dâu, dế; đu đủ, đậu đỗ,...). GV sắp xếp các tiếng cùng âm đầu d: dừa, dưa, dâu, dế; đ: đu đủ, đậu đỗ



HĐ3: NHẬN DIỆN ÂM CHỮ MỚI, TIẾNG CÓ ÂM CHỮ MỚI

- Nhận diện âm chữ mới
- Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

HĐ3: NHẬN DIỆN ÂM CHỮ MỚI, TIẾNG CÓ ÂM CHỮ MỚI

VD: Bài P – p – ph, chủ đề 6: Đi sở thú,
SGK tập 1 trang 60

- HS quan sát nhận diện âm chữ được học P p ph
- Phân tích và đánh vần mô hình tiếng pa (pờ-a-pa), tiếng phi (phờ-i-phi)



HĐ4: ĐÁNH VẦN TIẾNG KHOÁ, ĐỌC TRƠN TỪ KHOÁ

- HS phát hiện từ khóa, âm mới trong tiếng khóa
- HS đánh vần tiếng khóa, đọc trơn tiếng khóa
- HS đọc trơn từ khóa

HĐ4: ĐÁNH VẦN TIẾNG KHOÁ, ĐỌC TRƠN TỪ KHOÁ

VD: Bài S s – X x, chủ đề 6 **Đi sở thú**,
SGK tập 1 trang 60

➤ HS quan sát và đánh vần tiếng khoá,
đọc trơn từ khoá chứa tiếng có p, ph

+ pờ-a-pa / pa nô

+ phờ-i-phi / phi ngựa



6

ĐI SỞ THÚ

Bài 1

P p ph

CÀ PHÊ PIANO

SỞ THÚ

RẠP CHIẾU PHIM

p

p	a
pa	

ph

ph	i
phi	

BẢO VỆ THÚ QUÝ

pa nô

phi ngựa

n pa nô nh như ngựa

60

HĐ5: TẬP VIẾT

a. Viết chữ ghi âm vừa được học



b. Viết tiếng/từ khóa

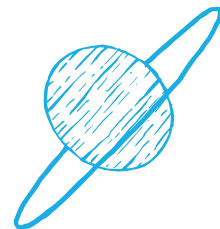


c. Viết chữ số (nội dung này được rèn luyện trong tuần 1, 2: viết các số từ 1 đến 9 và số 0)

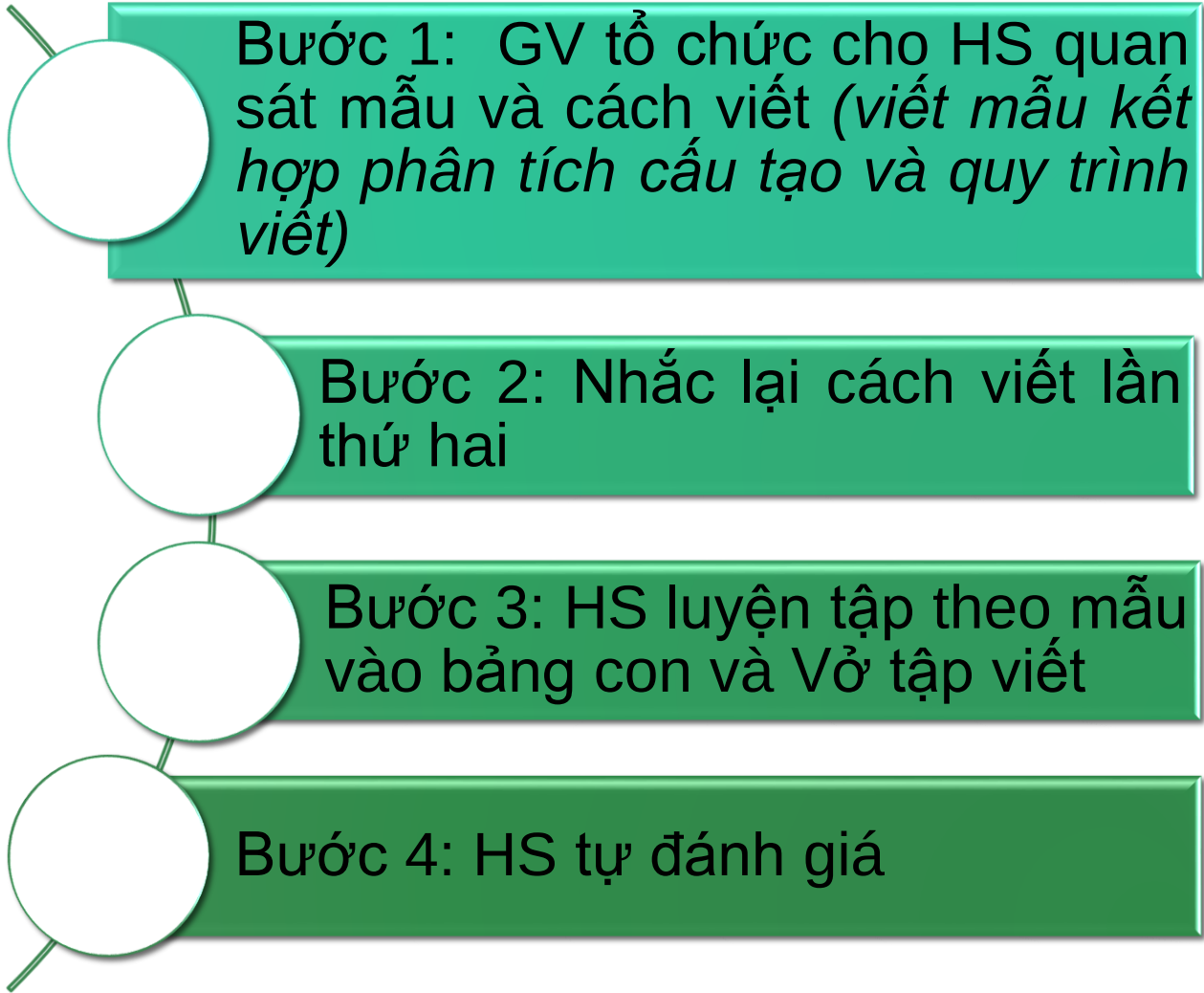
(Thực hiện: bảng con, vở tập viết)

DẠY TẬP VIẾT

- **Mục đích:** Dạy các kĩ thuật viết
- **Dạng bài chính:** viết theo mẫu (mẫu chữ ghi âm, vần, từ khóa, cụm từ, mẫu chữ viết hoa và câu ứng dụng)



CÁCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC



Bước 1: GV tổ chức cho HS quan sát mẫu và cách viết (*viết mẫu kết hợp phân tích cấu tạo và quy trình viết*)

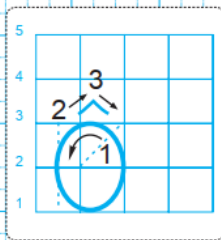
Bước 2: Nhắc lại cách viết lần thứ hai

Bước 3: HS luyện tập theo mẫu vào bảng con và Vở tập viết

Bước 4: HS tự đánh giá

Bài 2

Tô và viết
chữ ghi
âm, ghi
tiếng,
chữ số



ô

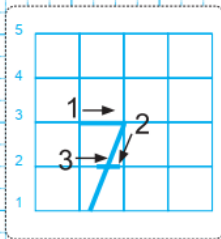
ô

ô

ô

ồ

ồ



ơ

ơ

ơ

Bài 5

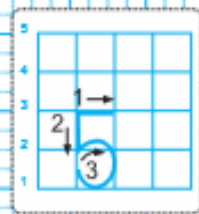
4

bó

cỏ

bó

cỏ



5

5

5

5



HĐ6: LUYỆN TẬP ĐÁNH VẦN, ĐỌC TRƠN

- Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng
- Đọc câu, đoạn, bài và tìm hiểu nghĩa của câu, đoạn, bài ứng dụng

HD6: LUYỆN TẬP ĐÁNH VẦN, ĐỌC TRƠN

VD: Bài P – p – ph, chủ đề 6: Đi sở thú,
SGK tập 1 trang 60

- HS nghe GV đọc mẫu
- HS tìm tiếng có âm chữ mới học và đánh vần các tiếng: phi, phố
- HS đọc trong nhóm nhỏ, đọc cá nhân:
 - + Câu (khi HS đọc, GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ đúng cụm từ có nghĩa)
 - + Bài



phở



phố



cà phê



pa-tê

Nghỉ lễ, bé ở nhà. Vừa phi ngựa gỗ,
bé vừa ca:
– Là lá la la,
Ngựa phi ra phố.



HĐ7: HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG (HĐMR)

- HS quan sát tranh, đọc câu lệnh (nếu có), xác định yêu cầu của HĐMR
- HS thực hiện HĐMR

HĐ7: HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

VD: Bài I i – K k, chủ đề 3 Đi chợ, SGK tập 1 trang 33

- HS quan sát tranh phát hiện nội dung tranh (bút chì, bánh mì, kéo)
- HS nói câu có từ ngữ đã tìm (có thể tổ chức thi “Mua gì, bán gì?”)

Ngoài ra, GV có thể tổ chức trò chơi thi gọi tên nhanh các vật hoặc trò chơi kết hợp nói, hát bài mô phỏng bài đồng dao Con kiến mà leo cành đa, cài đặt thêm i, k, gắn với chủ đề Đi chợ: Kì đà đi chợ đường xa / Vừa ra đến cổng/ Gặp bà kì không /...



HĐ8: Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa học
- HS nắm nội dung đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (nếu có)
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN

- Vị trí: 4 bài đầu tuần
- Thời lượng: 02 tiết/bài

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN

Cấu trúc bài học trên SGK

1. Tranh khởi động
2. Các vần được học và mô hình đánh vần
3. Các từ khóa kèm hình minh họa
4. Mẫu chữ các vần, chữ có vần dùng cho tập viết
5. Các từ ngữ ứng dụng kèm hình minh họa
6. Câu, đoạn, bài đọc ứng dụng
7. Hoạt động mở rộng

Nhận diện

Bài 3

oc ôc



Hình thành kiến thức mới



oc ôc

s	oc
sóc	



sóc đỏ



gốc cây



oc sóc đỏ ôc gốc cây

94



cá lóc



ốc đá



học bài



học tủ

Luyện tập

Cô giáo sóc kể ngày xưa, ốc chưa có nhà. Thấy vậy, cụ rùa cho ốc cái nhà. Từ đó, đi đâu ốc đều đội nhà đi theo.



Đọc gì?



Mở rộng

95

CẤU TRÚC MỘT BÀI
HỌC VẦN MỚI

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN

MỤC TIÊU

Giúp học sinh:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:

- Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên/tranh chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khóa sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề.
- Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa vần được học.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN MỚI

MỤC TIÊU

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ được học; cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn và ghép tiếng đơn giản chứa âm chữ được học.
3. Viết đúng âm và tiếng có âm chữ được học. Viết đúng cách viết nối nét thuận lợi và nối nét không thuận lợi.
4. Đánh vần, đọc các từ mở rộng có âm chữ được học, hiểu nghĩa của các từ ngữ đó; đọc câu, đoạn ứng dụng và hiểu được nghĩa của câu, đoạn ứng dụng.
5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN MỚI

MỤC TIÊU

6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

DẠY HỌC KIỂU BÀI HỌC VẦN MỚI

PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK
- Thẻ từ
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật
- Bảng phụ
- Tranh chủ đề (nếu có)
- Video về các nội dung liên quan bài học

CẤU TRÚC BÀI HỌC ÂM CHỮ

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

Khởi động

Nhận diện vần mới, tiếng có vần mới

Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa

Tập viết

Luyện tập đánh vần, đọc trơn

Hoạt động mở rộng

Củng cố, dặn dò

HĐ1: ỔN ĐỊNH LỚP VÀ KIỂM TRA BÀI CŨ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan chủ đề
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có tiếng chứa vần được học ở bài trước

HĐ2: KHỞI ĐỘNG

- HS mở SGK
- HS lắng nghe GV giới thiệu tên bài
- HS nêu 1 số từ khóa sẽ xuất hiện trong chủ đề
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi, nói ra từ ngữ chứa tiếng có vần mới

HĐ2: KHỞI ĐỘNG

- HS nêu các tiếng đã tìm được
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được
- HS phát hiện vần mới

HĐ3: NHẬN DIỆN VẦN MỚI, TIẾNG CÓ VẦN MỚI

- Nhận diện vần mới
- Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

Minh họa: Chủ đề 15, Bài 4



uôi ươi

ch	uôi
chuối	



nải chuối



trái bưởi



uôi nải chuối uoi trái bưởi

HĐ4: ĐÁNH VẦN TIẾNG KHOÁ, ĐỌC TRƠN TỪ KHOÁ

- Có tiếng chuối muốn có từ **nải chuối** em làm thế nào?
→ Yêu cầu HS đọc trơn từ nải chuối
- Nhớ lại xem trong tranh ngoài chuối ra còn loại trái cây nào nữa không?
- Có từ **trái bưởi**. Trong từ trái bưởi tiếng nào chứa vần mới học?
→ Giáo dục KNS

HD5: TẬP VIẾT

1. Viết vào bảng con

- Viết vần
- Viết từ khóa



uôi nải chuối uoi trái bưởi

2. Viết vào vở tập viết

- HS viết chữ ghi vần, từ khóa vào VTV
- Nhận xét bài viết
- Chọn biểu tượng đánh giá.

Bài 2

Tô và viết
chữ ghi
vần, ghi
tiếng / từ

et

et

.

.

.

.

.

sét

.

.

.

.

êť

êť

.

.

.

.

.

tết

.

.

.

.

it

it

.

.

.

.

.

mít

.

.

.

HĐ6: LUYỆN TẬP ĐÁNH VẦN, ĐỌC TRƠN

- Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa từ
- Đọc và tìm hiểu nghĩa của câu, đoạn, bài ứng dụng



chuỗi hạt



tươi cười



buổi sáng



tươi cây

anh
ảnh
inh
ưu
iêu
yêu
uối
uời

Sinh nhật của Mích-ki



Cả nhà Minh đi xem phim. Thấy dòng chữ *Chúc mừng sinh nhật Mích-ki*, Minh hỏi. Bố tươi cười đáp:

– Ngày 18 tháng 11 là ngày Mích-ki lên màn ảnh nhỏ. Vì vậy, người ta lấy ngày đó làm ngày khai sinh của chú Mích-ki, con ạ.

HĐ7: HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

Minh họa trong bài:

- Chia sẻ với bạn: Điều mình thích trong ngày sinh nhật

→ Giáo dục HS: Không nên vội vã mua những món quà đắt tiền,...

HĐ8: Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có vần mới học
- HS đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau

KIỂU BÀI ÔN TẬP

- Vị trí: tiết thứ 10 – 11 trong tuần
- Thời lượng: 02 tiết/tuần



Ôn tập và kể chuyện



a



b



c



o



?

	a	o
b	ba	
c		

	ả	ơ	?
ba	bà		
co			

Bà bố cổ.



bố cổ 5



Cá bò



Cá bò mẹ bảo con ở nhà.



Cá cờ rủ cá bò đi nghe nhạc.



Cá bò và cá cờ nhìn thấy
bồ nông.



Cá bò xin lỗi mẹ.

CẤU TRÚC
MỘT BÀI
ÔN TẬP

Kiểu bài ôn tập

Mục tiêu

Giúp học sinh:

- củng cố lại các âm/vần được học trong tuần.
- Sử dụng được các âm/vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
- Đánh vần tiếng có âm/vần được học trong tuần, tập đọc nhanh bằng mắt tiếng có âm/vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc.
- Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
- Viết đúng cụm từ ứng dụng, nhìn viết đúng hai dòng thơ (từ tuần 15).

Kiểu bài ôn tập

Mục tiêu

- Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động viết, phẩm chất trung thực qua nội dung kiểm tra, đánh giá.

Kiểu bài ôn tập

Phương tiện dạy học

- SHS, VTV, VBT, SGV
- Một số tranh ảnh, video, vật thật kèm thẻ từ
- Bảng phụ

CẤU TRÚC BÀI HỌC ÔN TẬP

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ (Khởi động)

Ôn tập các âm/vần được học trong tuần

Luyện tập đánh vần mới, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

Tập viết và chính tả

Hoạt động mở rộng

Củng cố, dặn dò

HĐ1: ỔN ĐỊNH LỚP VÀ KIỂM TRA BÀI CŨ (KHỞI ĐỘNG)

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học

HĐ2: ÔN TẬP CÁC ÂM/ VẦN ĐƯỢC HỌC TRONG TUẦN

Các vần đã được học trong tuần

CHỦ ĐỀ 12. BÀI 5

Bài 5 Ôn tập và kể chuyện

Vui Trung thu

Trống vang từng cắc
Sư tử dẫn đầu
Cá vàng theo sau
Thỏ, ông nổi gót.

Kìa ông trắng sáng
Chếch trên nền trời
Mời ông cùng bé
Xách đèn đi chơi.

Gió nâng câu hát
Từng bùng đèn sao
Trung thu thật thích
Cùng nhau vui nào.

Châu Lê

ang ăng âng ong ông ung ứng ạch êch ịch

Bài thơ nhắc đến những loại đèn Trung thu nào?

128

HĐ3: Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

➤ Luyện tập đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa từ

- HS nghe GV đọc bài
- HS tìm tiếng có vần mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng đó
- HS đọc trơn tiếng/từ chứa vần mới được học trong tuần.

- GV hỏi HS bài này gồm mấy khổ thơ?

*** Đánh vần, đọc trơn các từ chứa vần đã học**

- Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 3, tìm nhanh các tiếng chứa vần đã học theo từng khổ thơ

- GV quan sát các nhóm hoạt động, theo sát HS cần giúp đỡ để hỗ trợ HS tại nhóm

- GV chiếu slide các từ

*** Luyện đọc các từ thường đọc sai do phương ngữ:** *dẫn* đầu, nói *gót*, *chéch*

*** Giải nghĩa từ:** *Chéch* trong câu “ Kìa ông trắng sáng/ Chéch trên nền trời” bằng hình ảnh; *tùng cắc*: bằng trống thật, gõ để tạo âm thanh

Vui Trung thu

Trống vang tùng cắc
Sư tử dẫn đầu
Cá vàng theo sau
Thỏ, ong nổi gót.

Kìa ông trắng sáng
Chéch trên nền trời
Mời ông cùng bé
Xách đèn đi chơi.

Gió nâng câu hát
Tưng bừng đèn sao
Trung thu thật thích
Cùng nhau vui nào.

Châu Lê

➤ Luyện tập đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa nội dung bài đọc

- HS nghe GV đọc mẫu
- HS đọc thành tiếng đoạn/văn bản
- HS tìm hiểu nghĩa của đoạn văn, văn bản.
(có thể sử dụng câu hỏi “ai”, “gì”, “nào”, “ở đâu”,..., hỏi tên văn bản, tác giả, thể loại,...)

Vui Trung thu

Trống vang từng cắc
Sư tử dẫn đầu
Cá vàng theo sau
Thỏ, ong nổi gót.

Kia ông trăng sáng
Chếch trên nền trời
Mời ông cùng bé
Xách đèn đi chơi.

Gió nâng câu hát
Từng bùng đèn sao
Trung thu thật thích
Cùng nhau vui nào.

Châu Lê

-
- Tiêu đề của bài thơ là gì?
 - Bài thơ nhắc tới hoạt động gì vào dịp trung thu?
 - Có những loại đèn trung thu nào trong bài thơ?
 - Em còn biết những loại đèn trung thu nào nữa?
 - GV giới thiệu hình ảnh các lồng đèn và chốt nội dung bài đọc.

Vui Trung thu

Trống vang từng cắc
Sứ tử dẫn đầu
Cá vàng theo sau
Thỏ, ong nổi gót.

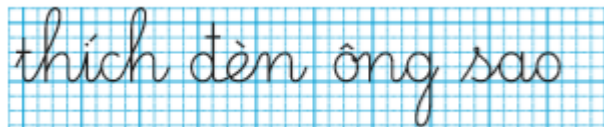
Kia ông trăng sáng
Chếch trên nền trời
Mời ông cùng bé
Xách đèn đi chơi.

Gió nâng câu hát
Tưng bừng đèn sao
Trung thu thật thích
Cùng nhau vui nào.

Châu Lê

HĐ4: Tập viết và chính tả

- Tập viết cụm từ ứng dụng: đánh vần, tìm từ, quan sát, đọc trơn, viết



thích đèn ông sao

- Nhìn – viết: đọc trơn, nhìn-viết, kiểm tra, tự đánh giá
- Bài tập chính tả: VBT (thực hiện bài, kiểm tra, tự đánh giá, sửa lỗi, chọn biểu tượng đánh giá)



ÔN TẬP 1

ngồi đọc sách

Hạ chữ - Tuần 14 - Bài Ôn tập

a

a

a

ă

ă

ă

â

â

â

o

o

o

ô

ô

ô

ơ

ơ

ơ

e

e

e

ê

ê

ê

i

i

i

u

u

u

ư

ư

ư

n

n

n

m

m

m

v

v

v

c

c

c

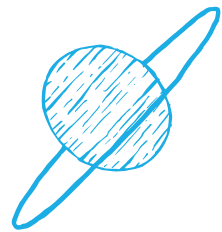
x

x

x

DẠY CHÍNH TẢ

- **Mục đích:** Giúp HS viết đúng chính tả trong từ, câu, đoạn.
- **Dạng bài chính:**
 - Chính tả nhìn - viết
 - Chính tả nghe - viết
 - BT chính tả có quy tắc
 - BT chính tả phương ngữ



CHÍNH TẢ NHÌN - VIẾT (TẬP CHÉP)

➤ **Mục đích:** Giúp HS tri nhận các vần đề chính tả bằng thị giác, đặc biệt hữu ích với trường hợp chính tả phương ngữ.



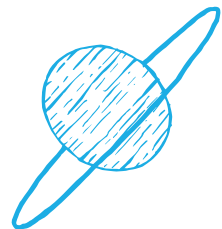
"Chợ nhộn nhịp... đông vui". (TV.1, t.2, tr.47)



CHÍNH TẢ NHÌN - VIẾT (TẬP CHÉP)

➤ ***Phương pháp và quy trình dạy:***

- Giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần chép
- Đàm thoại gợi mở giúp HS hiểu nghĩa và ghi nhớ mặt chữ của những từ ngữ có vấn đề chính tả
- Tổ chức cho HS giải nghĩa từ bằng ngữ cảnh, tranh ảnh/ động tác trực quan, đặt câu
- Nghe GV hướng dẫn cách viết và thực hành viết
- Kiểm tra bài viết và sửa lỗi (nếu có)
- Đánh giá bài viết



CHÍNH TẢ NGHE - VIẾT

- **Mục đích:** Giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe - hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn.



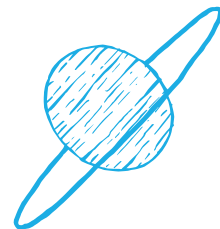
"Cầu vồng... sau cơn mưa". (TV.1 t.2, tr.41)



CHÍNH TẢ NGHE - VIẾT

➤ ***Phương pháp và quy trình dạy:***

- Giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần viết
- Đàm thoại gợi mở giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết
- Tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện điểm dễ sai của các tiếng, từ khó đọc, dễ viết sai do đặc điểm phương ngữ
- Nghe GV hướng dẫn cách viết và thực hành viết
- Kiểm tra bài viết và sửa lỗi (nếu có)
- Đánh giá bài viết



BÀI TẬP CHÍNH TẢ CÓ QUY TẮC

➤ **Mục đích:**

Giúp HS ghi
nhớ và vận
dụng quy tắc
chính tả trong
khi viết.



1. c / k

Bàn họcủa béề bên cửa sổ.

3. Thay hình ngôi sao bằng chữ **ng** hoặc chữ **ngh**.



nguyệt ★oạc



★ay ngắn

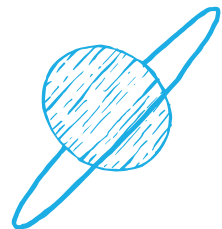


ngộ ★ình

BÀI TẬP CHÍNH TẢ CÓ QUY TẮC

➤ ***Phương pháp và quy trình dạy:***

- Giúp HS tìm hiểu yêu cầu của bài tập
- Giúp HS nhắc lại quy tắc chính tả
- Vận dụng quy tắc chính tả để thực hiện bài tập
- Kiểm tra bài tập chính tả và sửa lỗi (nếu có)
- Đánh giá bài làm bằng biểu tượng



BÀI TẬP CHÍNH TẢ PHƯƠNG NGỮ

- **Mục đích:** Giúp HS rèn luyện chính tả phương ngữ.



1. > / ~



khép cửa



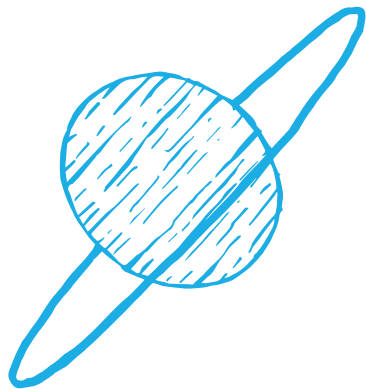
giúp đỡ



nhảy sạp

BÀI TẬP CHÍNH TẢ PHƯƠNG NGỮ

➤ **Mục đích:** Giúp HS rèn luyện chính tả phương ngữ.



(3). Thay hình ngôi sao bằng chữ **tr** hoặc chữ **ch**.



canh ★ửng



★áo cá lóc



★à đào

(4). Thay hình chiếc lá bằng **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã**.



làm sữa chua



trộn cái xoong

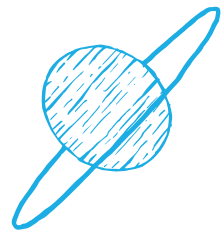


thu hoạch sạ

BÀI TẬP CHÍNH TẢ PHƯƠNG NGỮ

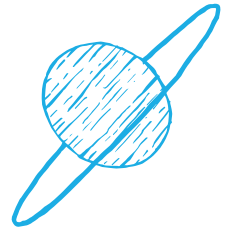
➤ ***Phương pháp và quy trình dạy:***

- Giúp HS tìm hiểu yêu cầu của bài tập
- HS thực hiện bài tập
- Kiểm tra bài tập chính tả và sửa lỗi (nếu có)
- Đánh giá bài làm bằng biểu tượng



ĐÁNH GIÁ

- Nội dung viết
- Tốc độ viết
- Trình bày bài viết



HĐ5: Luyện nói về chủ đề được học trong tuần

- Yêu cầu HS quan sát video “Đêm hội trăng rằm” do nhà trường tổ chức hằng năm, trả lời: “Kể tên các hoạt động diễn ra trong đoạn phim.”
- Yêu cầu HS nói trong nhóm 3, hoạt động mình thích nhất? Vì sao?
- Yêu cầu 1, 2 nhóm lên nói cho lớp nghe các hoạt động yêu thích của các thành viên của nhóm mình.
- Yêu cầu HS đánh giá nhóm bạn, với các tiêu chí: nói to, rõ; lưu loát.
- GV nhận xét, khen HS nói tốt, động viên các em nói chưa tốt.

HĐ6: Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/từ chứa vần được ôn tập, nhắc lại mô hình đánh vần tiếng được học
- HS nắm được nội dung đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau

DẠY HỌC KIỂU BÀI THỰC HÀNH

- Bài thực hành dạy trong **1 tiết** (*tiết thứ 9 hoặc 11*)
- GV có thể lựa chọn nội dung tùy vào thực tế dạy học, phần soạn ở vở bài tập chỉ là một gợi ý

DẠY HỌC KIỂU BÀI THỰC HÀNH

MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Kể đúng, đọc đúng các âm vần được học trong tuần.
- Nhận diện đúng âm, vần được học trong tiếng, từ.
- Tập đọc nhanh tiếng có âm vần đã học; đọc được câu, đoạn ứng dụng.
- Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.

DẠY HỌC KIỂU BÀI THỰC HÀNH

MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Hoàn thành được các cụm từ hoặc câu theo từ ngữ, tranh minh họa đã cho.
- Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
- Rèn luyện phẩm chất cho HS (*chăm chỉ qua hoạt động tập viết, trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá*).

CẤU TRÚC
BÀI HỌC
THỰC HÀNH

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY
HỌC CHỦ YẾU

Khởi động

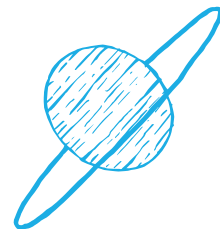
Luyện tập viết chữ/tiếng/từ ngữ chứa âm vần được học

Luyện tập đánh vần tiếng/từ ngữ chứa vần chữ đã học và đọc trơn đoạn văn/văn bản chứa vần chữ đã học

Củng cố, dặn dò

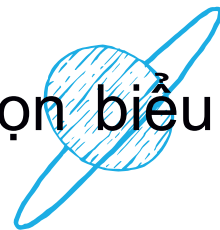
HĐ1: KHỞI ĐỘNG

- HS tham gia **trò chơi** hoặc **hoạt động giải trí** (*tìm đường, ghép tranh, trúc xanh; xem video, liên kết từ bài cũ, tạo tình huống,...*)
- Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan đến chủ đề bài học



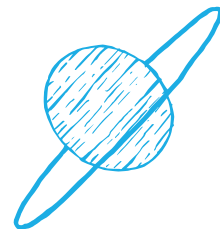
HĐ2: LUYỆN TẬP VIẾT CHỮ/TIẾNG/TỪ NGỮ CHỨA ÂM VẦN ĐƯỢC HỌC

- HS quan sát kí hiệu trong VBT (nói, viết, điền)
- HS thực hiện bài tập: tập viết/ nhìn – viết, nội dung liên quan đến chủ đề bài học
- HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc, bài tập chính tả phương ngữ
- HS tự rà soát, tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp)



HĐ3: LUYỆN TẬP ĐÁNH VẦN TIẾNG/TỪ NGỮ CHỨA VẦN CHỮ ĐÃ HỌC; ĐỌC TRON ĐOẠN VĂN/VĂN BẢN CHỨA VẦN CHỮ ĐÃ HỌC

- HS đọc đoạn văn/ văn bản có từ ngữ có tiếng chứa âm vần cần thực hành
- HS tìm hiểu nghĩa của đoạn văn/ văn bản được đọc (*tương tự bài dạy âm vần, GV có thể tự soạn nội dung thực hành phù hợp*)



HĐ4: Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm vần mà HS thường mắc lỗi khi đọc, viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn do kiểu dáng chữ: *n - u*, *ă - â*; do phương ngữ: *tr - ch*, *r - g*; do trật tự chữ cái trong tổ hợp âm vần: *ua - au*, *ui - iu*; do cấu tạo âm tiết: *ngoằn ngoèo*, *khuyển*...)
- HS nắm được nội dung, yêu cầu đọc, viết thêm ở nhà, giờ tự học
- *HS biết chuẩn bị cho tiết học sau*



ĐÁNH GIÁ

- HS kể, đọc đúng âm, vần, câu, đoạn ứng dụng
- Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ
- Hoàn thành được các cụm từ hoặc câu theo từ ngữ, tranh minh họa đã cho
- Đánh giá năng lực HS qua việc thực hiện các bài tập: hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo,...

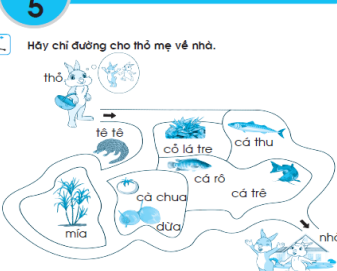


PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, VTV, SGK SGV
- Bảng phụ, bảng nhóm, thẻ từ, phiếu,...

Chủ đề 5 Ở NHÀ

Hãy chỉ đường cho thỏ mẹ về nhà.



Thỏ bé ở nhà chờ mẹ.
Trưa, mẹ đi chợ về. Mẹ mua mía và cá lá tre cho thỏ bé.

Thỏ bé	đi chợ
Thỏ mẹ	ở nhà chờ mẹ
mua mía, cá lá tre	

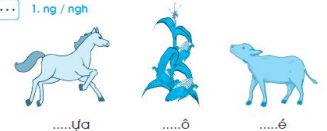
16

Tô màu một trong hai hình sau:



17

1. ng / ngh



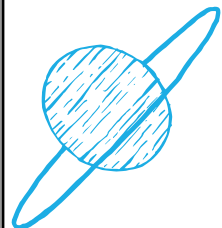
2. tr / ch



3. r / g



18



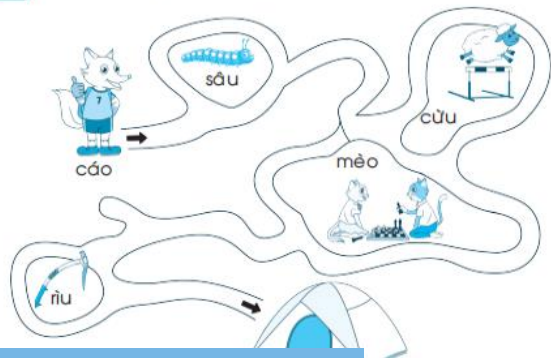
TIẾT THỰC HÀNH KIỂU BÀI ÂM VẦN MỚI

Chủ đề 7 THỂ THAO

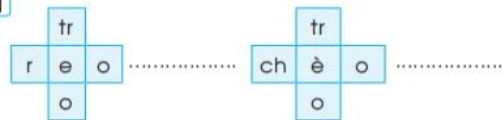
7

Nhận diện âm vần

ể iêu.



Thực hành chính tả



... tr / ch



.....áo



.....èo



.....ào

Thực hành đọc



Thi thể thao

Ta mau mau thi thể thao.
Ta thi nhau đi đều. Ta thi nhau
đá cầu. Ta thi nhau kéo co,
thi nhau leo đèo. Ta ca là lá la.

Thực hành viết câu

...

mèo, reo, kêu

..... trèo cau



Có chú



Trèo tàu cau.



Nghe gió



..... meo meo

Tự đánh giá



DẠY HỌC KIỂU BÀI KỂ CHUYỆN

- Bài kể chuyện dạy trong **1 tiết** (*tiết thứ 12*).
- Nội dung truyện liên quan tới **chủ đề** được học.
- Bài kể chuyện gồm:
 - (1) **Tên truyện**: thường có 1, 2 âm vần được học trong tuần, không chứa âm vần chưa học.
 - (2) **Tranh minh họa** từng đoạn truyện kèm câu gợi ý/ câu hỏi/ cụm từ gợi ý.

DẠY HỌC KIỂU BÀI KỂ CHUYỆN

- Giúp HS phát huy **kĩ năng nghe - nói** ở mức độ tổng hợp, tích hợp với các **kĩ năng liên môn** khác như quan sát, đọc tranh, đọc câu/đoạn, trả lời câu hỏi, phán đoán, liên tưởng, sử dụng âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh và có thái độ nghe tích cực.
- 2 dạng bài kể chuyện: **nghe - kể** và **xem - kể** (nghe - kể là chủ yếu).

DẠY HỌC KIỂU BÀI NGHE - KỂ

MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện chủ đề và tranh minh họa.
- Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu gợi ý/câu hỏi/cụm từ gợi ý dưới tranh.
- Trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện, liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
- Sử dụng các quy tắc nghe – nói trong khi kể (VD: âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện).
- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, biết yêu thương, chia sẻ với người khác.

CẤU TRÚC
BÀI HỌC
KỂ CHUYỆN

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY
HỌC CHỦ YẾU

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

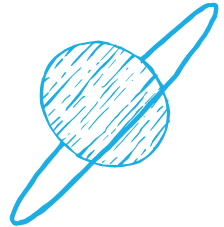
Khởi động

Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

Củng cố, dặn dò

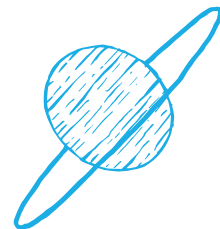
HĐ1: ỔN ĐỊNH LỚP VÀ KIỂM TRA BÀI CŨ

- HS tham gia **trò chơi** hoặc **hoạt động giải trí**
- HS **trả lời** một vài **câu hỏi** về truyện kể tuần trước. VD: *Tên câu chuyện là gì? Câu chuyện có những nhân vật nào? Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao?*



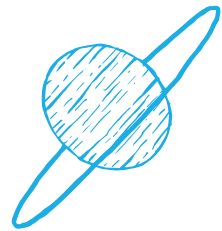
HĐ2: KHỞI ĐỘNG

- HS đánh vần và **đọc** trơn **tên truyện**
- Dựa vào tranh minh họa, HS **phán đoán** và trao đổi với bạn về **nội dung** câu chuyện
- HS nghe GV giới thiệu bài mới



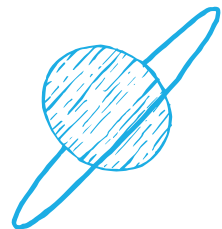
HĐ3: LUYỆN TẬP NGHE KỂ CHUYỆN VÀ KỂ CHUYỆN

- HS nghe GV **kể mẫu lần 1** và **liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán** lúc trước của mình
- HS nghe **kể lần 2** từng đoạn **kết hợp quan sát tranh minh họa**. GV sử dụng các kĩ thuật dạy học giúp HS ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện



HĐ3: LUYỆN TẬP NGHE KỂ CHUYỆN VÀ KỂ CHUYỆN

- HS **kể từng đoạn** của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ
- HS/nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp
- HS **nhận xét, đánh giá** về các nhân vật và nội dung câu chuyện



HĐ 3 - RÈN
KĨ NĂNG KỂ
CHUYỆN CÓ
3 MỨC ĐỘ
YÊU CẦU
CẦN ĐẠT

(1) KN nghe
– hiểu
truyện; KN
quan sát
 tranh và
hiểu tranh;

(2) KN kể
từng đoạn
câu chuyện;

(3) KN kể
toàn bộ câu
chuyện

TIẾN TRÌNH
GỢI Ý DƯỚI
TRANH
NHẪM
GIÚP HS
ĐẠT KỸ
NĂNG KỂ
CHUYỆN

Cấp độ 1: Sử
dụng câu kể
gợi ý dưới
tranh (Tuần
1 đến tuần
11)

Cấp độ 2: Sử
dụng câu hỏi
gợi ý dưới
tranh (Tuần
12 đến tuần
24)

Cấp độ 3: Sử
dụng cụm từ
gợi ý dưới
mỗi tranh
(Tuần 25 đến
tuần 34)



Bọ rùa tìm được cách để đến trường.



Về nhà, bọ rùa tự đếm số chấm tròn trên lưng.

Sự tích đèn Trung thu



Cuội đã làm gì để giúp bạn?



Vào đêm trăng, các bạn nhìn thấy ai?



Các bạn được ai giúp đỡ?



Các bạn làm các việc gì để Cuội nhìn thấy mình?

Bài 4

Xe cứu hỏa Tí Hon

1. Nghe kể chuyện.
2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.



Tí Hon là chiếc xe...



Một lần, trong khu phố có...



Tí Hon...



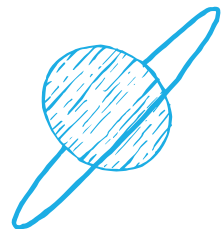
Mọi người...

3. Kể toàn bộ câu chuyện.

Em cảm thấy thế nào nếu mình nhỏ bé như Tí Hon?

HĐ4: CỦNG CỐ, DẶN DÒ

- HS nhắc lại ***tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích***
- HS nắm được ***nội dung truyện***, nghe kể thêm truyện ở nhà (GV hướng dẫn HS đọc mở rộng - nếu có)
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau



DẠY BÀI NGHE - KỂ

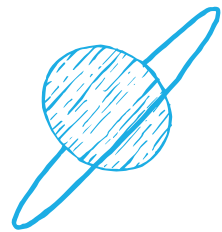
- *Bước 1:* HS đọc tên, quan sát tranh và **phán đoán nội dung** câu chuyện.
- *Bước 2:* GV tổ chức cho HS **nghe kể chuyện (GV kể/video/...)** 1-2 lần và **trả lời câu hỏi** gợi ý dưới tranh. GV giúp HS **nhận diện/ mở rộng ý tưởng** cho từng tranh, đưa ra ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.
- *Bước 3:* GV hướng dẫn HS **tái hiện lại nội dung** bằng câu hỏi, từ gợi ý, câu gợi ý và tập kể từng đoạn hoặc toàn bộ nội dung câu chuyện.
- *Bước 4:* GV tổ chức cho HS **tìm hiểu ý nghĩa** của câu chuyện, **đánh giá** về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, **liên hệ bản thân**.
- *Bước 5:* GV tổ chức cho HS **tự đánh giá** và **đánh giá** về phần trình bày của mình và của bạn.

DẠY BÀI XEM - KỂ

- *Bước 1:* HS đọc tên và **phán đoán nội dung** câu chuyện.
- *Bước 2:* GV tổ chức cho HS **quan sát tranh** và **trả lời câu hỏi** gợi ý dưới tranh. GV giúp HS **nhận diện/ mở rộng ý tưởng** cho từng tranh, đưa ra ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.
- *Bước 3:* GV hướng dẫn HS **tập hợp các ý tưởng** vừa nói cho từng tranh và **ghép nối các bức tranh** để **kể từng đoạn** câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.
- *Bước 4:* GV tổ chức cho HS **tìm hiểu ý nghĩa** của câu chuyện, **đánh giá** về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, **liên hệ bản thân**.
- *Bước 5:* GV tổ chức cho HS **tự đánh giá** và **đánh giá** về phần trình bày của mình và của bạn.

ĐÁNH GIÁ

- HS kể nội dung câu chuyện
- Giọng kể phù hợp, âm lượng đủ nghe
- Cử chỉ, điệu bộ phù hợp
- Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện



DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

- **Thời lượng:** 10 tiết/ tuần
- **Vị trí:** tiết thứ 1 - 10 trong tuần, bổ trí trong 14 tuần, bắt đầu từ tuần 21 đến tuần 34

1. Bạn nhỏ trong tranh đang dừng lại để làm gì?
2. Trước khi đi qua một ngã tư, em phải làm gì?

HD nhận diện

HD hình thành kiến thức mới

biển báo chính:

1. **Biển báo cấm:** hình tròn, viền đỏ, nền trắng, hình vẽ màu đen, dùng chỉ điều cấm.
2. **Biển báo nguy hiểm:** hình tam giác, viền đỏ, nền vàng, hình vẽ màu đen, dùng cảnh báo nguy hiểm.
3. **Biển báo chỉ dẫn:** hình vuông, hình chữ nhật, nền xanh, hình vẽ màu trắng, chỉ dẫn việc đi lại.



103

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Tìm trong bài đọc tiếng có vần **iên**.

Tìm ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **iên, uyên**.

M: công **viên**, vòng **xuyến**



1. Bài đọc nếu mấy loại biển báo chính?
2. Kể tên một, hai biển báo khác mà em biết.



1. Tập viết

- Tô chữ hoa: **Ơ**.
- Viết: **Ở** gần ngã tư có biển báo giao thông.

2. Nghe - viết

Biển báo giao thông được dùng để hướng dẫn việc đi lại. Có ba loại biển báo chính là biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển báo chỉ dẫn.

(3). Thay hình ngôi sao bằng chữ **tr** hoặc chữ **ch**.



★qm xe buýt



rào ★đón



đèn trang ★l

(4). Thay hình chiếc lá bằng **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã**.



trường học trên đèo



ngã tư đường phố



tới trường mùa lũ

104

HD luyện tập



Những người trong bức tranh đang làm gì?



Viết vào vở nội dung em vừa nói.

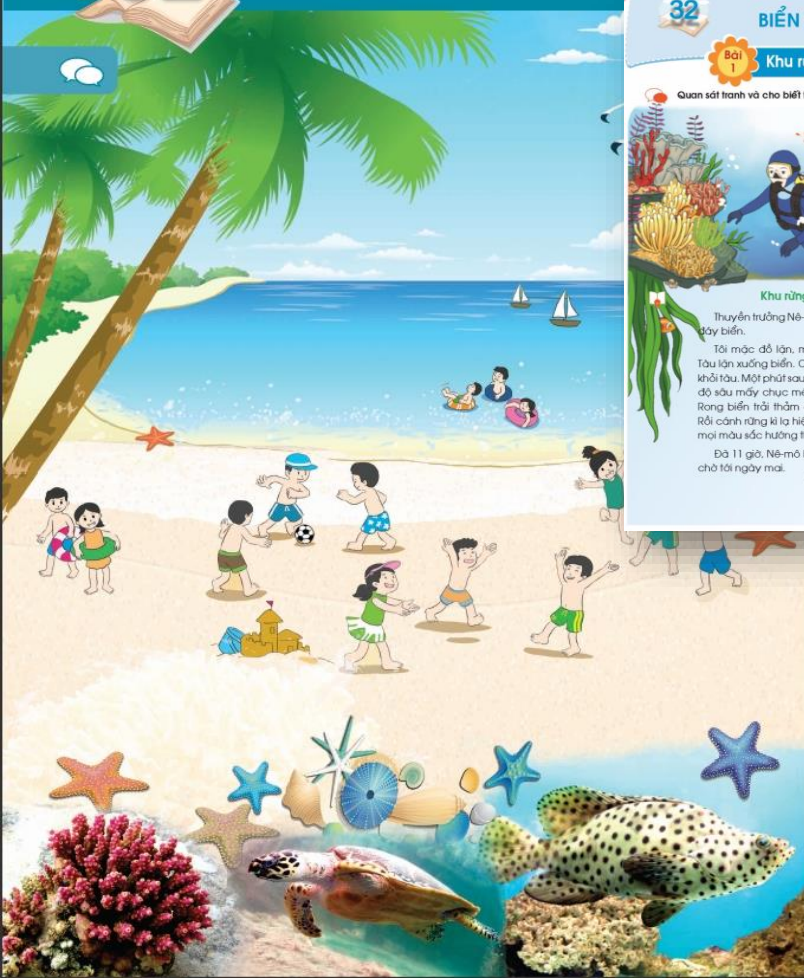


Chơi trò chơi Em tập làm chủ công an

HD mở rộng



105



Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ cảnh ở đâu.



Khu rừng kì lạ dưới đáy biển

Thuyền trưởng Nê-mô mời tôi đi xem khu rừng kì lạ ở đáy biển.

Tôi mặc đồ lặn, mang theo các đồ dùng cần thiết
Tàu lặn xuống biển. Cảnh của thành tàu mờ, tôi bước
khỏi tàu. Một phút sau, chân tôi chạm đáy biển. Tôi đi
độ sâu mấy chục mét. Tầng đàn cá sặc sỡ lượn quanh
Rong biển trôi thềm dưới chân, giương ngang trên đầu.
Rồi cảnh rừng kì lạ hiện ra trước mắt tôi. Cả rừng cây
mọi màu sắc hướng thẳng lên một nước.

Đã 11 giờ. Nê-mô bảo về tàu, mai đi tiếp. Tôi hào hứng
chờ tới ngày mai.

Theo Giun-lô Ven, Nguyễn Đức Vinh

Thư gửi bố ngoài đảo

Theo em, bố của bạn gái trong tranh là ai?



Nữ hoàng của đảo

Quan sát tranh và cho biết các chú hải quân đang làm gì.



Nữ hoàng của đảo

Cùng với cây phong ba, bàng
vuông mọc nhiều trên các đảo của
Trường Sa.Bàng vuông nở hoa vào ban đêm.
Hoa mọc thành chùm. Cảnh hoa
màu trắng tím, nhụy vàng, dài màu
trắng. Quả hình đèn lồng, có bốn
cánh vuông.Cây bàng vuông không chỉ che mát
mà còn tạo cảnh sắc tươi đẹp cho đảo.
Vì vậy, bộ đội Trường Sa gọi bàng vuông
là nữ hoàng của đảo.

Theo Lê Nam Sơn

Tôm càng và cá con

1. Nghe kể chuyện.
2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.



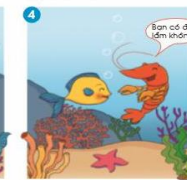
Dưới đáy biển...



Thấy cá con...



Đúng lúc đó, có một...



Tự dưng, tôm càng...

3. Kể toàn bộ câu chuyện.

Em sẽ làm gì khi thấy một người gặp khó khăn?

Hình ảnh, bài đọc, viết,
truyện kể đều xoay quanh
chủ đề, gia tăng NL đọc viết

Nhận diện

32

BIỂN ĐẢO YÊU THƯƠNG

Bài 1

Khu rừng kì lạ dưới đáy biển

Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ cảnh ở đâu.



Thuyền trưởng Nê-mô mời tôi đi xem khu rừng kì lạ dưới đáy biển.

Tôi mặc đồ lặn, mang theo các đồ dùng cần thiết. Tàu lặn xuống biển. Cánh cửa thành tàu mở, tôi bước ra khỏi tàu. Một phút sau, chân tôi chạm đáy biển. Tôi đi dưới đó sâu mấy chục mét. Từng đàn cá sắc sảo lượn quanh. Rong biển trải thảm dưới chân, giăng ngang trên đầu. Rồi cánh rừng kì lạ hiện ra trước mắt tôi. Cá rừng cây đủ mọi màu sắc hướng thẳng lên mặt nước.

Đã 11 giờ, Nê-mô bảo về tàu, mai đi tiếp. Tôi hào hứng chờ tới ngày mai.

Theo Giun-ô Ven, Nguyễn Đức Vinh dịch

125

Hình thành kiến thức mới

Tìm trong bài đọc tiếng có vần **anh, ần, ăng**.

Tìm ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **anh, ần, ăng**.

thợ lặn, cá mập trắng

đất nào?

Có gì đặc biệt?



1. Tập viết

– Tô chữ hoa: **Ư**.

– Viết: Tàu đã ra khơi đánh bắt tôm cá.

2. Nhìn – viết

Khu rừng kì lạ dưới đáy biển (từ Rong biển đến mặt nước).

3. Thay hình ngôi sao bằng chữ **đ** hoặc chữ **g**.



cá **★** cá



nhà **★** nhà



↑úp đở ngư dân

4. Thay hình ngôi sao bằng chữ **n** hoặc chữ **ng**.



bãi sa **★** hồ



xuồ **★** cao tốc



thuyền trưở **★**

126

Luyện tập



Quan sát tranh và cho biết:

– Cây hoặc con vật em thích.

– Cây hoặc con vật đó có màu sắc như thế nào?



Viết vào vở nội dung em vừa nói.



Em đã đọc câu chuyện gì về biển? Nói với bạn về nội dung mà em đã đọc.



Mở rộng

127

CẤU TRÚC MỘT BÀI
LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

MỤC TIÊU

Giúp học sinh:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
 - Trao đổi với bạn về những nội dung mà tên chủ đề (tranh chủ đề, nếu có) gợi ra.
 - Quan sát tranh, đọc tên bài đọc, trao đổi với bạn những phán đoán về nội dung bài đọc.

DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

MỤC TIÊU

2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Đánh vần vần khó và tiếng chứa vần khó (nếu có); tìm được trong bài, ngoài bài từ ngữ có tiếng chứa vần cần luyện tập; đặt được câu có chứa từ ngữ tìm được.

NL ngôn ngữ (đọc, nói, nghe)

DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

MỤC TIÊU

4. Nêu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.

NL văn học (hiểu và liên hệ)

5. Tô đúng chữ hoa, viết được câu ứng dụng, viết được đoạn văn chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết.

6. Phân biệt đúng chính tả có quy tắc và bước đầu làm quen với chính tả phương ngữ.

7. Luyện nói và viết sáng tạo.

NL ngôn ngữ (viết, nói, nghe)

DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

MỤC TIÊU

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

Năng lực chung

9. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua các hoạt động học tập; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

Phẩm chất

DẠY HỌC KIỂU BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Phương tiện dạy học

- SHS, VTV, VBT, SGV
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh họa từ ngữ có vần cần luyện tập/ vần khó
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có)
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; đoạn có hội thoại, . . .); tranh minh họa chủ đề (nếu có)

CẤU TRÚC
BÀI HỌC
**LUYỆN TẬP
TỔNG HỢP**
(KIỂU BÀI 4 TIẾT)

CÁC HOẠT ĐỘNG
DẠY HỌC CHỦ YẾU

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

Khởi động

Luyện đọc văn bản

Luyện tập viết hoa, chính tả

Luyện tập nói, viết sáng tạo

Hoạt động mở rộng

Củng cố, dặn dò

CẤU TRÚC
BÀI HỌC
**LUYỆN TẬP
TỔNG HỢP**
(KIỂU BÀI 2 TIẾT)

**CÁC HOẠT ĐỘNG
DẠY HỌC CHỦ YẾU**

Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

Khởi động

Luyện đọc văn bản

Luyện tập nói sáng tạo

Hoạt động mở rộng

Củng cố, dặn dò

HĐ1: ỔN ĐỊNH LỚP VÀ KIỂM TRA BÀI CŨ

- HS tham gia trò chơi / hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề
- Trả lời một vài câu hỏi về bài đọc tuần trước (tên bài, nội dung bài, bài tập CT)

HĐ2: KHỞI ĐỘNG

- Giới thiệu tên chủ đề (đối với bài đầu tiên của chủ đề)
- HS quan sát tranh minh họa của bài đọc và/hoặc trả lời câu hỏi
- Giới thiệu bài mới

Lưu ý:

- *Hình thức tổ chức cần đa dạng: cá nhân/nhóm; sắm vai/xử lý tình huống*
- *Thêm câu hỏi và/hoặc lời dẫn để kết nối vào bài.*



Theo em, bố của bạn gái trong tranh là ai?



Thư gửi bố ngoài đảo

(Trích)

Tết con muốn gửi bố
Cái bánh chưng cho vui
Nhưng bánh thì to quá
Mà hôm thư nhỏ thôi.

Ngoài ấy chắc nhiều gió
Đảo không có gì che
Ngoài ấy chắc nhiều sóng
Bố lúc nào cũng nghe...

Bà bảo: Hàng rào biển
Là bố đấy, bố ơi
Cùng các chú, bạn bố
Giữ đảo và giữ trời.

Xuân Quỳnh



Tìm trong bài thơ tiếng có vần **oai**.

Tìm ngoài bài thơ từ ngữ chứa tiếng có vần **oai, oay**.

M: cá khoai, nhoday nhoday



1. Bạn nhỏ trong bài thơ muốn gửi gì cho bố?
2. Đọc khổ thơ cuối và cho biết bố bạn nhỏ làm gì ở ngoài đảo?
3. Học thuộc hai khổ thơ cuối.



Quan sát tranh vẽ bìa sách dưới đây rồi nói với bạn theo các gợi ý:

- Tên cuốn sách.
- Em thấy những gì trên bìa sách?



Vẽ một bức tranh tặng các chú bộ đội và viết tên em dưới bức tranh.

- Cá nhân/nhóm
đôi trả lời câu hỏi
trong SGK
- Thêm câu hỏi:
Đoán xem bạn
gái trong tranh
đang làm gì?
- Lời dẫn: Đọc
xem bạn gái nói
gì với bố



Kể tên hai, ba loại bút mà em biết.



Những điều cần biết về bút chì

Bút chì có loại lõi cứng, có loại lõi mềm.

Bút chì lõi cứng khi viết có nét chữ nhạt, thường để lại vết hằn trên giấy. Bút chì lõi mềm dễ viết, nhưng dễ gãy, thường làm nhoè chữ, bẩn giấy. Trên thân bút chì lõi mềm có chữ B, bút chì lõi cứng có chữ HB.

Ta cần biết những điều trên để chọn bút.



Tìm trong bài đọc tiếng có vần **ư**.

Tìm ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **ư**, **ơ**.

M mút bọc tai nghe, sáo trúc



1. Bài đọc cho biết có mấy loại lõi bút chì?
2. Bút có kí hiệu gì thì lõi bút mềm hơn?
3. Kể tên hai, ba loại bút chì mà em biết.



1. Tập viết

- Tô chữ hoa: **Ư**.
- Viết: Ông vàng và bướm trắng là đôi bạn thân.

2. Nghe - viết

Trong chiếc cặp của em (khổ thơ đầu).

3. Thay hình ngôi sao bằng chữ **c** hoặc chữ **k**.



cái **★**éo



bút lông **★**m



hộp **★**ổm bút

(4). Thay hình ngôi sao bằng vần **ơ** hoặc vần **ơ**.



★ bảng



mở sách **★** khoa



tô **★** búp bê tóc **ơ**ân

- Cá nhân sắm vai 1 loại bút và giới thiệu trong nhóm
- Thêm câu hỏi: Em nghe bạn nói gì về bút chì?
- Lời dẫn: Cần lưu ý gì khi chọn bút chì?

HĐ3: LUYỆN ĐỌC VĂN BẢN

- Nghe GV đọc mẫu (có thể sử dụng một số câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý của HS)
- Nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó, cách ngưng nghỉ theo dấu câu, cách đọc câu có từ ngữ thán từ, tiểu từ tình thái (**với HS lớp 1, chưa yêu cầu đọc phân vai**)

HĐ3: LUYỆN ĐỌC VĂN BẢN

➤ Đọc thành tiếng

Lưu ý:

+ *Đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều được đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; **không tổ chức đọc luân phiên từng câu***

+ *Sửa cách phát âm/việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự*

HĐ3: LUYỆN ĐỌC VĂN BẢN

- Giải thích nghĩa từ với sự gợi ý, hướng dẫn của GV (trực quan, đặt câu, dùng ngữ cảnh, ...)
- Đọc lại bài đọc và tìm tiếng trong bài có vần cần luyện tập
- Tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập (HS yếu có thể đọc từ mẫu)
- Đặt câu với những từ ngữ vừa tìm được
- Thảo luận theo cặp hoặc nhóm để trả lời câu hỏi

HĐ4: LUYỆN TẬP VIẾT HOA, CHÍNH TẢ

- Tô chữ viết hoa
- Viết câu ứng dụng
- Chính tả nhìn viết / nghe viết
- BT chính tả lựa chọn

**HS tự đánh giá phần viết bài của mình và của bạn
(theo hướng dẫn của GV)**

HĐ5: LUYỆN TẬP NÓI, VIẾT SÁNG TẠO

Nói sáng tạo:

- Trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động
- Quan sát tranh, đọc các gợi ý
- Thực hiện theo cặp, nhóm nhỏ hoạt động nói yêu cầu

HS nói và nghe bạn nói

→ trình bày: nói điều mình thích, nói điều mình nghe



Em thích nơi nào nhất trong ngôi nhà của em?



Ngưỡng cửa

Nơi này ai cũng quen
Ngay từ thời tằm bé
Khi tay bà, tay mẹ
Còn dắt vòng đi men.

Nơi bố mẹ ngày đêm
Lúc nào qua cũng vội
Nơi bạn bè chạy tới
Thường lúc nào cũng vui.

Nơi này đã đưa tôi
Buổi đầu tiên đến lớp
Nay con đường xa tắp,
Vẫn đang chờ tôi đi.

Vũ Quần Phương



Tìm trong bài đọc tiếng có vần **ang**.

Tìm ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **an, ang**.

M lan can, cầu thang



1. Ai dắt bé tập đi?
2. Đọc những câu thơ cho biết ngưỡng cửa là nơi bạn nhỏ:
 - tập đi
 - đón bạn bé đến nhà
 - rời nhà để đến lớp.
3. Học thuộc hai khổ thơ em thích.



Để nhà cửa được sạch sẽ, gọn gàng, em đã làm những việc gì?
Em làm việc đó cùng ai?



Thi kể tên các đồ dùng ở nhà em.

- Em đã làm gì?

Làm cùng ai?

- Bạn A đã làm gì?

Bạn làm cùng ai?

- Bạn B ...

HĐ5: LUYỆN TẬP NÓI, VIẾT SÁNG TẠO

Viết sáng tạo:

- Tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- Thực hiện viết sáng tạo vào VBT.
- Tự đánh giá phần viết bài của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV

HĐ6: HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

- Vận dụng vào thực tế
- Tích hợp các môn học
- Phát triển năng khiếu sở trường
- Mở rộng hiểu biết liên quan đến chủ đề bài học



Nói với bạn bài thơ hoặc câu chuyện về bạn bè mà em đã đọc theo các gợi ý sau:

- Tên bài thơ hoặc tên câu chuyện.
- Nội dung của bài thơ hoặc câu chuyện.



Giải câu đố sau:

Cùng sinh một tháng một ngày,
Mười anh em ấy sum vầy bên nhau.
Bảo rằng cao thấp sá đầu,
Việc khó, việc dễ có nhau nên thành.
(Là gì?)



85



Hát bài *Em đội mũ bảo hiểm* (Nguyễn Bàng).



Vẽ chiếc cặp hoặc ba lô của em và đặt tên cho bức vẽ.



Hình thức: hát múa; đọc thơ, đồng dao; giải câu đố; tham gia trò chơi; đọc mở rộng; ...

HĐ7: Củng cố, DẶN DÒ

- HS nhắc lại nội dung vừa được học
- Nắm nội dung đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà; nắm được nội dung đọc mở rộng (nếu có)
- Chuẩn bị cho tiết học sau

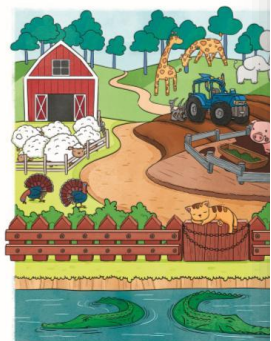
ÔN TẬP – KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI

- Mục tiêu
- Nội dung
- Phương pháp
- Đánh giá
- Thiết kế đề kiểm tra – đánh giá
(Khai thác tài nguyên)

Bài 1 Ôn tập 1

Nếu tên các con vật có trong bức tranh



Viết vào vở tên hai, ba con vật em tìm được



Ai gõ cửa?

Một ngày yên ả
Bên cửa khép hờ
Bé ngồi đọc sách
Cún nà
Nghe tiếng
Cún liến
Chạy ra
Chỉ thấy
Lại nghe
Cún ng
Thì ra b
Mim cu

1. Tìm trong bài thơ tiếng có vần ai, ay, ô, ơ.
2. Bạn nhỏ trong bài thơ đang làm gì?

ngồi đọc sách

Nhìn - viết: khổ thơ thứ nhất.

Bài 2

Ôn tập 2

Nếu tên các đồ vật có trong bức tranh.



Ai được bút tặng

Ngày
trai tốt
vẽ đẹp.
Bút
anh m
cầm b
hình v
thật. B
bút làm

Vâng lời bút, anh vẽ trâu
bò, cây chuối,... cho dân
làng. Rồi anh đi khắp nơi giúp
đỡ mọi người.

Theo Truyện cổ tích thế giới

1. Tìm trong bài đọc tiếng có vần iên, ước, iếc, ươi.
2. Nói một câu có từ ngữ chứa tiếng em tìm được ở bài tập 1.

M. Chúng em làm việc tốt.

làm việc tốt

Nhìn - viết: Vâng lời bút, anh vẽ trâu bò, cây chuối cho dân làng.

Bài 3

Đánh giá cuối học kì I
(Để tham khảo)

A. Đọc bài sau:

Rùa con tìm nhà

Có một chú rùa con đi tìm nhà của mình. Chú đến hỏi có ông, bác thỏ. Họ đều lắc đầu không biết. Rùa bơi xuống sông tìm nhưng vẫn chẳng thấy. Cuối cùng, nhờ chị ốc sên, rùa biết được nhà của mình. Đó chính là chiếc mai chú mang trên lưng.

Theo Hoa Niên



Dựa vào bài *Rùa con tìm nhà*, thực hiện

1. Đánh dấu ✓ vào ô vuông trước ý em chọn

a. Bài đọc có mấy tiếng chứa vần ương?

hai tiếng ba tiếng

b. Ai chỉ cho rùa con thấy nhà của mình?

cô ông bác thỏ

2. Chọn từ ngữ thích hợp thay vào ô vuông

biết được nhà của mình, đều lắc đầu

- Cô ông, bác thỏ

- Chú rùa con

B. Đọc bài sau:

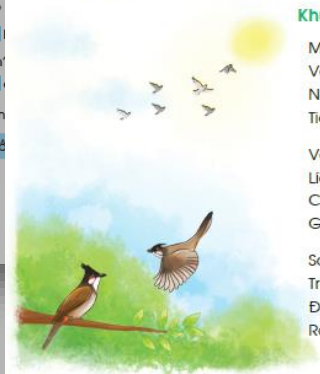
Khúc nhạc ban mai

Mặt trời thức dậy
Vén bức màn mây
Nghe vang rộn rã
Tiếng chim gọi bầy.

Véo vao chim sáo
Lịch lịch chim sâu
Chào mào lãnh lót
Gù gù bồ câu.

Sơn ca thánh thót
Trên cành me say
Đàn sếu riu rít
Rộn vang vòm cây.

Thanh An



C. Chính tả:

1. Chép hai dòng cuối của bài *Khúc nhạc ban mai*.

2. Chọn chữ thích hợp thay vào ô vuông.

- c hoặc k: con iên con á qua ầu
- ng hoặc ngh: củ ê con é nghĩ ời
- g hoặc gh: bàn ổ cái ế i bãi

Nội dung ôn tập

CẤU TRÚC TUẦN ÔN TẬP
VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKII

- Mục tiêu
- Nội dung
- Phương pháp
- Đánh giá
- Thiết kế đề kiểm tra – đánh giá
(Khai thác tài nguyên)

Em vẽ tranh

Hôm nay em cầm bút
Vẽ tranh tưởng ông bà
Nét xiên là chiếc lá
Nét khuyết là cánh hoa.

Nét thanh xanh đồng cỏ
Nét đậm vẽ đàn trâu
Nét lượn êm sóng vỗ
Nét gấp nổi nhịp cầu.

Nét cong là chiếc vòng
Ru hời cả giấc mơ
Tủ trên trang giấy nhỏ
Em vẽ thành bài thơ.

La Khê

Tim trong bài thơ tiếng có vần **anh, uyêt, oa**.
Tim ngoài bài thơ từ ngữ chứa tiếng có vần **anh, uyêt, oa**.

Ôn tập 2

Nụ hôn của kiến mẹ

Kiến mẹ có một đàn con. Tối nào, kiến mẹ cũng ôm hôn từng đứa con và nói:

– Con ngoan, mẹ yêu con.

Suốt đêm, kiến mẹ không được ngủ. Thấy vậy, bác cú mèo bèn nói cho kiến mẹ nghe một chuyện.



chú kiến này xoay qua hôn cả bên cạnh và thậm chí:

– Mẹ gửi nụ hôn cho em đây.

Cứ thế, lũ kiến con hôn chuyển nhau, mà vẫn hôn được cả đàn con của mình.

Tim trong bài đọc tiếng có vần **anh, uyêt**.

Tim ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **anh, uyêt**.

Cá heo biết cứu người

Cá heo sống dưới nước. Thông minh, chúng vẫn phải ngoi lên mặt nước để thở.

Cá heo biết chăm con. Cá heo con có thể tự mình nổi lên mặt nước. Nhưng khi cần, cá heo mẹ vẫn dùng mõm đẩy con lên. Nó luôn chú ý bảo vệ con khỏi bị cá dữ tấn công. Cá heo cũng có thể nhận thấy sự sợ hãi của con người khi họ gặp nạn.

Nhờ những thói quen và khả năng thiên mã cá heo cứu được rất nhiều người.

Theo khoahoc.com



1. Bài đọc trên viết về điều gì? Hãy chọn ý đúng.

- a. Cá heo sợ hãi khi gặp người.
b. Cá heo là một loài cá dữ.
c. Cá heo biết cứu người.

2. Tìm và đọc các câu cho thấy cá heo biết chăm con.

3. Em có thích cá heo không? Vì sao?

Đánh dấu cuối học kì II
(Đề tham khảo)

A. ĐỌC THÀNH TIẾNG MỘT ĐOẠN TRONG TRUYỆN SAU:

Chú quạ thông minh



Tim nước uống

Một hôm trời nắng to, quạ khát nước đến

khô cả cổ. Nó bay ra

chưa tìm thấy. Tuy mẹ

Bồng quạ thấy một cốc

phía trước. Nó lập tức

Thấy bình nước



Đến nơi, quạ mới

cao, miệng nhỏ. Nước

Quạ tìm mọi cách để

vẫn không uống được

nóng hơn. Mỗi lúc quạ

Chứa uống được

Quạ cảm thấy mẹ

nước. Nó vẫn không

bình để, để cho nước

binh vẫn không đổ. K

tim cách khác. Nó n

thua cái bình?".

Uống nước

Nhìn ra xung quan

hòn sỏi ở gần đây. Mì

to: "Quạ... quạ

gấp từng hòn sỏi thả

nước từ từ dâng lên

thả hồ uống.



B. ĐỌC BÀI SAU RỒI THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BÊN DƯỚI:

Vui chơi không phải là vô ích

Đến giờ chơi, học sinh các lớp đều ra sân. Nhóm nhảy dây, nhóm nhảy lò cò, nhóm đá cầu, nhóm bịt mắt bắt dê. Khắp sân trường đầy tiếng nói, tiếng cười.

Có một cậu bé vẫn ngồi lại trong lớp. Cậu đang chăm chú

đọc sách. Thấy gì?

– Sao con không

Cậu trả lời:

– Thưa thầy, c

chơi đùa ạ.

Thầy nói:

– Chăm học là

học bài mà không

và có vui chơi thì v

1. Đánh dấu ✓ vào ô

a. Đến giờ ra chơi

☐ ra sân chơi

b. Cậu bé không

☐ chơi đùa sẽ r

c. Thấy giáo đó k

☐ chăm chỉ học

2. Viết vào vở câu h

Vì sao vui chơi kh

C. VIẾT:

1. Nghe – viết

Có người trồng lúa, ta mới có cơm để ăn. Có thợ xây nhà, ta mới có nhà để ở. Do vậy, ta đừng quên người làm mà có.

Theo Quốc

2. Chọn chữ thích hợp thay vào ô vuông.

- | | | |
|----------------|---------|-----|
| – c hoặc k: | cây cối | tim |
| – g hoặc gh: | gan da | ch |
| – ng hoặc ngh: | ệ sĩ | tác |

3. Chọn từ ngữ dưới đây để viết vào vở tên

Cấm bơi lội. Sân trơn trượt để



4. Viết vào vở từ ngữ hoặc câu phù hợp với bức tranh dưới đây:



Đề tham khảo

D. NGHE ĐỌC TRUYỆN VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU SAU:

Gấu con chia quà

Gấu con được bác voi cho một giỏ táo.

Về nhà, gấu con chọn những quả táo thơm nhất biếu bố mẹ. Còn lại hai quả, gấu con lấy quả to hơn đưa cho em. Gấu em vui, gấu con cũng vui theo.

Theo Mẹ kể con nghe



Dựa vào truyện vừa nghe, hãy đánh dấu ✓ vào ô vuông trước ý em chọn.

1. Ai cho gấu con giỏ táo?

- | | | |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| ☐ bác voi | ☐ gấu mẹ | ☐ gấu bố |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|

2. Gấu con chia táo cho những ai?

- | |
|--|
| ☐ bác voi, bố mẹ |
| ☐ bố mẹ, gấu em |
| ☐ gấu em, bác voi |

CẤU TRÚC TUẦN ÔN TẬP
VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

